

ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN
TỈNH THÁI NGUYÊN
BAN TUYÊN GIÁO

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2017

*
Số 08- HD/BTG

HỘI CHỮ THẬP ĐỎ TỈNH THÁI NGUYÊN	
CV	Số : 85
ĐẾN	Ngày : 16/6/2017
	Chuyên : Tuyên truyền

HƯỚNG DẪN

Tuyên truyền kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ
(27/7/1947-27/7/2017)

Thực hiện Hướng dẫn số 42-HD/BTGTU, ngày 08/6/2017 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về tuyên truyền kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2017), Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối hướng dẫn công tác tuyên truyền như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thông qua hoạt động tuyên truyền nhằm giúp cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong Khối nhận thức sâu sắc hơn nữa ý nghĩa của Ngày Thương binh Liệt sỹ và công lao to lớn của các liệt sỹ, thương binh, người có công với cách mạng; từ đó xác định trách nhiệm và có hành động thiết thực trong thực hiện các chính sách ưu đãi đối với người có công, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.

Giáo dục phát huy truyền thống yêu nước, đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, nhất là với thế hệ trẻ; đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Toàn dân chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng”; động viên, hỗ trợ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ và người có công khắc phục khó khăn, vươn lên trong cuộc sống, đóng góp tích cực cho gia đình, xã hội.

2. Yêu cầu: Các hoạt động tuyên truyền, kỷ niệm cần được tổ chức thiết thực, hiệu quả, an toàn, tiết kiệm, có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, quy mô hình thức phù hợp với điều kiện thực tiễn; gắn với tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

1. Tuyên truyền khẳng định ý nghĩa lịch sử, chính trị, xã hội và giá trị nhân văn của Ngày Thương binh Liệt sỹ, trong đó nhấn mạnh:

- Khu di tích lịch sử quốc gia 27/7 (xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên) - Nơi ghi dấu sự kiện ra đời ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7 ở nước ta.

- Truyền thống tốt đẹp “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây” của dân tộc; thể hiện lòng biết ơn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đối với các thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng.

- Tôn vinh và khẳng định sự cống hiến, hy sinh của các thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng là vô giá; việc chăm sóc các đối tượng này là vinh dự, là trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, của thế hệ hôm nay và mai sau.

- Đảng, Nhà nước ta luôn trân trọng và đánh giá cao những cống hiến, hy sinh to lớn của đồng bào, chiến sỹ đối với Tổ quốc; đồng thời cũng luôn chú trọng giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân và lòng biết ơn đối với các thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng.

2. Tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng; những kết quả và hạn chế, bất cập trong các chủ trương, chính sách cần phải bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn.

3. Tuyên truyền những thành tựu nổi bật trong công tác thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng trong 70 năm qua cả nước nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng, nhất là 10 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 14/12/2006 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác thương binh, liệt sỹ, người có công và phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”*”; trong đó nhấn mạnh những kết quả nổi bật trong việc xây dựng và thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công; về kết quả thực hiện nhiệm vụ chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ và phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng; về công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ, về việc khơi dậy và phát huy tinh thần tự lực, tự cường của các thương binh, bệnh binh, người có công và cách mạng...; đấu tranh, phê phán những biểu hiện tiêu cực trong triển khai thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi đối với thương binh, bệnh binh, liệt sỹ và người có công; đồng thời đề xuất, kiến nghị giải pháp thực hiện tốt công tác thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng.

4. Biểu dương những thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng vượt khó vươn lên, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước; phát hiện, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong các phong trào đền ơn đáp nghĩa, chung sức giúp đỡ các gia đình chính sách khắc phục khó khăn, cải thiện cuộc sống.

5. Quan tâm giáo dục thế hệ trẻ lòng biết ơn sâu sắc và sự hy sinh to lớn của các anh hùng liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc; tích cực tham gia phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” bằng những việc làm thiết thực, cụ thể, hiệu quả; bồi đắp lòng tự hào, giữ gìn và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc.

6. Tuyên truyền phản ánh phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân hướng tới kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ. Tập trung tuyên truyền đậm nét các hoạt động kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ diễn ra ở Trung ương; trong đó có tổ chức cầu truyền hình trực tiếp trên VTV1 chương trình giao lưu nghệ thuật tri ân các anh hùng liệt sỹ, thương binh, bệnh binh và người có công với cách mạng tại 5 điểm cầu (*Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Trị, Điện Biên và Thái Nguyên*) vào 20 giờ, ngày 27/7/2017; tuyên truyền các hoạt động kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ được tổ chức ở tỉnh và tại các địa phương, đơn vị trong toàn tỉnh; các hoạt động thăm hỏi, tặng quà thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng và công tác quản lý, cải tạo, nâng cấp, trùng tu các di tích, các công trình ghi công liệt sỹ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên...

III. MỘT SỐ KHẨU HIỆU TUYÊN TRUYỀN

1. Kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2017)!
2. Tổ quốc đòi đòi ghi nhớ công ơn các anh hùng liệt sỹ!
3. Đẩy mạnh các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa” hướng tới kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh Liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2017)!
4. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng!
5. Nêu cao đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”!
6. Toàn dân chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng!
7. Góp sức nâng cao mức sống về vật chất và tinh thần của người có công với cách mạng!
8. Làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ là trách nhiệm của mỗi cấp ủy, chính quyền, mỗi tổ chức và cá nhân!

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối: giúp Ban Thường vụ Đảng ủy Khối hướng dẫn các chi bộ, đảng bộ cơ sở, các đoàn thể thuộc Khối và đội ngũ Báo cáo viên của Đảng bộ Khối công tác tuyên truyền kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2017); cung cấp tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền theo chỉ đạo, hướng dẫn của Thường trực Đảng ủy Khối và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

2. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở: tổ chức tuyên truyền kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2017) bằng các hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với đặc điểm tình hình, điều kiện thực tế, gắn với tuyên truyền thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị. Kết quả công tác tuyên truyền nội dung trên được nêu trong báo cáo sơ kết công tác xây

dụng Đảng năm 2017 của các chi bộ, đảng bộ gửi về Đảng ủy Khối để tổng hợp báo cáo Thường trực Đảng ủy Khối và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

3. Các đoàn thể thuộc Khối: tổ chức tuyên truyền phổ biến đến cán bộ, đoàn viên, hội viên các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thương binh, liệt sỹ, người có công; gắn với đẩy các mạnh phong trào thi đua “Đền ơn đáp nghĩa” gắn với thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; có những hoạt động thiết thực chăm lo, giúp đỡ các đối tượng chính sách; tổ chức hành hương về nguồn, giao lưu, gặp mặt, nói chuyện truyền thống nhân dịp kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ.

Đề nghị các đồng chí quan tâm thực hiện./

(Gửi kèm Hướng dẫn này Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ do Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn và phát hành)./.

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Thường trực ĐUK;
- Các chi, đảng bộ cơ sở;
- Các đoàn thể thuộc Khối;
- Các Ban, VP Đảng ủy Khối;
- Lưu BTG ĐUK.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Huy Hoàng

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
Kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ
(27/7/1947 – 27/7/2017)

I. Hoàn cảnh ra đời và ý nghĩa của Ngày Thương binh Liệt sỹ

1. Hoàn cảnh ra đời

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (nay là nước CHXHCN Việt Nam) ra đời chưa được bao lâu thì thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta một lần nữa. Với tinh thần “... thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, quân và dân ta đã anh dũng chiến đấu chống lại quân xâm lược. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến quyết liệt chống thực dân Pháp, nhiều đồng bào, chiến sỹ đã ngã xuống, hy sinh một phần xương máu trên các chiến trường. Với truyền thống đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, Đảng, Chính phủ, Bác Hồ và nhân dân ta đã dành tất cả tình thương yêu cho các chiến sỹ và đồng bào đã vì độc lập, tự do của Tổ quốc mà bị thương hoặc hy sinh.

Đầu năm 1946, Hội giúp binh sỹ bị nạn ra đời ở Thuận Hóa (Bình Trị Thiên), rồi đến Hà Nội và một số địa phương khác... Sau đó ít lâu được đổi thành Hội giúp binh sỹ bị thương. Ở Trung ương có Tổng Hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu là Chủ tịch danh dự của Tổng Hội.

Ngày 28-5-1946, Hội giúp binh sỹ bị nạn tổ chức một cuộc nói chuyện quan trọng tại Nhà hát Lớn Hà Nội để kêu gọi mọi người gia nhập Hội và hăng hái giúp đỡ các chiến sỹ bị thương, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự.

Ngày 17-11-1946, cũng tại Nhà hát Lớn Hà Nội, Hội Liên Hiệp Quốc dân Việt Nam đã tổ chức lễ xung phong “Mùa đông binh sỹ”, mở đầu cuộc vận động “Mùa đông binh sỹ” trong cả nước để giúp chiến sỹ trong mùa đông giá rét. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự buổi lễ và Người đã cởi chiếc áo đang mặc để tặng binh sỹ.

Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ngày 19-12-1946, theo Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đã nhất tề đứng dậy kháng chiến với tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Số người bị thương và hy sinh trong chiến đấu tăng lên, đời sống của chiến sỹ, nhất là những chiến sỹ bị thương gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Trước tình hình trên, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra nhiều quyết định với những chính sách quan trọng về công tác thương binh, liệt sỹ, góp phần ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho thương binh, gia đình liệt sỹ.

Ngày 16-2-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chính thức ký Sắc lệnh số 20/SL, quy định chế độ hưu bổng, thương tật và tiền tuất tử sĩ. Đây là văn bản pháp quy đầu tiên khẳng định vị trí quan trọng của công tác thương binh, liệt sĩ đối với cuộc kháng chiến và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, Chính phủ đến thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ.

Tháng 6-1947, đại biểu của Tổng bộ Việt Minh, Trung ương Hội phụ nữ Cứu quốc, Trung ương Đoàn thanh niên Cứu quốc, Cục Chính trị quân đội quốc gia Việt Nam, Nha Thông tin Tuyên truyền và một số địa phương đã họp tại Đại Từ (Bắc Thái) để bàn về công tác thương binh, liệt sĩ và thực hiện Chỉ thị của Hồ Chủ Tịch chọn một ngày nào đó làm ngày Thương binh Liệt sĩ. Tại cuộc họp này các đại biểu đã nhất trí chọn ngày 27 tháng 7 là ngày “Thương binh toàn quốc”. Từ đó hàng năm cứ vào dịp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều gửi thư, quà thăm hỏi, động viên, nhắc nhở mọi người phải biết ơn và hết lòng giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ. Đặc biệt, từ sau Chiến thắng Điện Biên Phủ, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh càng quan tâm hơn đến công tác thương binh, liệt sĩ.

Từ tháng 7 năm 1955, Đảng và Nhà nước ta quyết định đổi “Ngày Thương binh toàn quốc” thành “Ngày Thương binh, Liệt sĩ” để ghi nhận những hy sinh lớn lao của đồng bào, chiến sĩ cả nước cho chiến thắng vẻ vang của toàn dân tộc.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, theo Chỉ thị 223/CT-TW ngày 8-7-1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, từ năm 1975, ngày 27 tháng 7 hằng năm chính thức trở thành “Ngày Thương binh, Liệt sĩ” của cả nước.

Mỗi năm cứ đến “Ngày Thương binh, Liệt sĩ” nhất là vào dịp kỷ niệm năm tròn, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta lại tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, đầy tình nghĩa chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng.

2. Ý nghĩa

Ngày Thương binh Liệt sĩ có ý nghĩa lịch sử, chính trị, xã hội sâu sắc, đó là:

- Truyền thống “hiếu nghĩa bác ái”, lòng quý trọng và biết ơn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đối với những người đã hi sinh, cống hiến vì độc lập, tự do và thống nhất của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân; qua đó phát huy tinh thần yêu nước, cùng cố và bồi đắp niềm tin vào sự nghiệp cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

- Tôn vinh các anh hùng, liệt sĩ, thương binh và người có công; khẳng định sự cống hiến, hy sinh của họ cho độc lập, tự do của dân tộc, cho hạnh phúc của nhân dân là vô giá. Việc chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và

người có công là vinh dự, là trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội và của mọi người, của thế hệ hôm nay và mai sau.

- Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trân trọng đánh giá cao những công hiến, hy sinh to lớn của đồng bào, chiến sỹ đối với Tổ quốc; đồng thời cũng luôn chú trọng giáo dục ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân và lòng biết ơn sâu sắc của các tầng lớp nhân dân, của các thế hệ cách mạng đối với thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng.

II. Một số thành tựu nổi bật trong công tác thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng 70 năm qua

1. Xây dựng và thực hiện thống nhất trong cả nước một hệ thống chính sách, chế độ ưu đãi đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng

- Kể từ Sắc lệnh số 20/SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành ngày 16/2/1947 đặt "*chế độ hưu bổng thương tật và tiền tuất tử sỹ*" đến nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng đã được nghiên cứu xây dựng, ban hành tương đối toàn diện, đầy đủ và kịp thời, bảo đảm chất lượng để từng bước cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, là cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân; cơ bản đáp ứng yêu cầu đề ra.

- Nhiều vấn đề bất hợp lý do lịch sử để lại cũng như vấn đề mới nảy sinh trong quá trình chuyển đổi cơ chế và những tổn động về chính sách sau chiến tranh, như vấn đề xác nhận liệt sỹ, thương binh; chính sách ưu đãi đối với thanh niên xung phong, những người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; chính sách ưu đãi về giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe, cải thiện nhà ở, chế độ trợ cấp đối với một số đối tượng người có công với cách mạng được các cấp, các ngành quan tâm, giải quyết hiệu quả.

- Việc xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi đối với người có công đạt được kết quả tích cực. Đến nay, toàn quốc đã xác nhận khoảng 9 triệu người có công, trong đó:

- + Người hoạt động cách mạng trước ngày 01-01-1945: gần 9.000 người.
- + Người hoạt động cách mạng từ ngày 01-01-1945 đến trước tổng khởi nghĩa 19/8/1945: 16.500 người.
- + Liệt sỹ: gần 1.2 triệu người; thân nhân liệt sỹ gần 500.000 người.
- + Bà mẹ Việt Nam anh hùng: trên 117.000 người.

- + Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động: gần 1.300 người.
 - + Thương binh và người hưởng chính sách như thương binh: gần 600.000 người; thương binh loại B: trên 40.000 người.
 - + Bệnh binh: gần 185.000 người.
 - + Người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học: gần 312.000 người.
 - + Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày: gần 111.000 người.
 - + Người có công giúp đỡ cách mạng: 1.897.000 người.
 - + Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ Quốc tế: gần 4,1 triệu người.
- Hiện cả nước có trên 1,4 triệu người có công và thân nhân đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng; qua rà soát, cơ bản người có công đã được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Theo kết quả rà soát năm 2014 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong số 2.070.842 đối tượng được rà soát có 1.982.769 trường hợp (chiếm 95,75%) đã hưởng đủ chế độ; chỉ có 86.201 trường hợp, chiếm 4,16% kê khai là hưởng chưa đầy đủ; 1.872 trường hợp, chiếm 0,09% hưởng sai chính sách.

2. Phong trào chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ và người có công với cách mạng phát triển sâu rộng từ Trung ương đến địa phương và đã đạt được hiệu quả thiết thực, thể hiện tình cảm, trách nhiệm và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc

- Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã tích cực triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ và người có công bằng những việc làm thiết thực thông qua: Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, xây dựng nhà tình nghĩa, vườn cây tình nghĩa, sổ tiết kiệm tình nghĩa, chăm sóc bố, mẹ liệt sỹ già yếu cô đơn, con liệt sỹ mồ côi, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Từ năm 2007 đến năm 2017, cả nước đã đóng góp xây dựng Quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa” hơn 3.481 tỷ đồng, trong đó, quỹ Trung ương hơn 41,36 tỷ đồng, quỹ địa phương hơn 3.440,4 tỷ đồng; xây dựng gần 90.000 nhà tình nghĩa, sửa chữa gần 75.000 nhà tình nghĩa với tổng trị giá gần 12.200 tỷ đồng; tặng gần 159.000 sổ tiết kiệm tình nghĩa trị giá gần 955.000 tỷ đồng.

Thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg, Chính phủ đã cấp cho các địa phương trên 2.450 tỷ đồng để hỗ trợ cho 80.000 hộ gia đình người có công khó khăn về nhà ở; 100% các mẹ Việt Nam anh hùng được các đơn vị nhận phụng dưỡng; 98% xã, phường làm tốt công tác Thương binh - Liệt sỹ, 97% người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống người dân nơi cư trú.

- Bản thân thương binh, bệnh binh, gia đình chính sách, người có công với cách mạng cũng nỗ lực phấn đấu vươn lên trở thành những tấm gương tiêu biểu, điển hình nhân tố mới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

3. Công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ, xây dựng, tu bổ nghĩa trang, công trình tưởng niệm liệt sỹ được chú trọng và đạt được kết quả tích cực

- Đảng, Nhà nước và quân đội đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế trong việc tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ. Nhà nước đầu tư nâng cấp các trung tâm giám định ADN của các bộ, ngành nhằm đẩy nhanh việc xác định danh tính hài cốt liệt sỹ.

- Các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị đã tích cực trong việc phát hiện, quy tập mộ liệt sỹ và ghi danh, ghi công liệt sỹ.

- Công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ đã tạo sức lan tỏa trong các tầng lớp nhân dân.

- Bằng phương pháp thực chứng, phương pháp giám định ADN, các cơ quan chức năng đã quy tập, lấy mẫu hài cốt liệt sỹ, sinh phẩm thân nhân liệt sỹ, phân tích hàng chục nghìn trường hợp, góp phần phục vụ tích cực cho công tác tìm kiếm hài cốt liệt sỹ thời gian qua.

Thời gian qua, cả nước đã tìm kiếm, quy tập được 939.462 hài cốt liệt sỹ; an táng tại 3077 nghĩa trang trong cả nước.

- Việc xây dựng, tu bổ nghĩa trang, công trình tưởng niệm liệt sỹ được các cấp, các ngành chú trọng và đã đạt được những kết quả cụ thể.

Hiện cả nước có 9.637 công trình ghi công liệt sỹ, bao gồm đài tưởng niệm, nhà bia ghi tên liệt sỹ, nghĩa trang liệt sỹ. Nhiều công trình trở thành công trình văn hóa, có giá trị về mỹ thuật, giáo dục truyền thống: Nghĩa trang Điện Biên Phủ, Nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn, Nghĩa trang Đường 9, Đền liệt sỹ Bến Dược, Khu tưởng niệm liệt sỹ thanh niên xung phong tại ngã ba Đồng Lộc; Trưng Bôn, tỉnh Nghệ An...

III. Phát huy thành tựu đạt được, khắc phục hạn chế bất cập, tiếp tục đẩy mạnh công tác thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng trong giai đoạn hiện nay

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã xác định: “Thực hiện chính tốt chính sách chăm sóc người có công trên cơ sở huy động mọi

- Nêu bật những sự kiện quan trọng đưa quan hệ hữu nghị Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam lên tầm cao mới. Đặc biệt là sự kiện hai nước đã thỏa thuận ký kết các Hiệp ước và ra Tuyên bố chung, tăng cường sự tin cậy và hợp tác lâu dài giữa hai nước. Đây là mốc lịch sử quan trọng đánh dấu bước ngoặt mới trong quan hệ giữa hai nước.

- Nêu bật tầm quan trọng của Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (được ký ngày 18-7-1977) là Hiệp ước toàn diện đặc biệt quan trọng mang tính chiến lược, là cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng để củng cố và tăng cường lâu dài, bền chắc tình đoàn kết, mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào.

- Hiệp ước khẳng định mối quan hệ hữu nghị đặc biệt liên minh đoàn kết chiến đấu giữa hai dân tộc không chỉ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn cả trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau chiến tranh.

Việc ký kết Hiệp ước còn có ý nghĩa quốc tế trong sáng giữa hai nước đang cùng hướng tới mục tiêu chủ nghĩa xã hội và phát huy ảnh hưởng tích cực trong khu vực.

- Việc triển khai quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào về các mặt, đặc biệt là các vấn đề về chính trị, kinh tế, văn hóa - giáo dục - y tế; quốc phòng an ninh...

2. Quan hệ đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế (1986-2017).

- Nêu rõ bối cảnh quốc tế và khu vực; những chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Đảng Nhân dân cách mạng Lào; những thành tựu về củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện trong giai đoạn đầu công cuộc đổi mới của hai nước Việt Nam - Lào (1986-1996).

- Nêu rõ yêu cầu mới, nội dung và những thành tựu của sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào-Việt Nam trong giai đoạn đẩy mạnh công cuộc đổi mới (1996- 2017), là yếu tố quyết định trong việc củng cố và phát triển, tạo tiền đề cho việc tăng cường và mở rộng hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào-Việt Nam trong giai đoạn mới.

5. Những kỷ niệm sâu sắc về tình đoàn kết, hữu nghị giữa hai dân tộc Việt-Lào trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay

Mục đích: Ghi lại những câu chuyện, những kỷ niệm sâu sắc của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ từng thực hiện nhiệm vụ quốc tế tại Lào trong sự nghiệp giải

phóng dân tộc trước đây cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Yêu cầu: Bài viết phải phản ánh trung thực, khách quan, đúng với những gì lịch sử diễn ra.

- Đó có thể là một kỉ niệm thời trận mạc;
- Những trang hồi ức sâu nặng nghĩa tình;
- Những tình cảm gắn bó, thắm thiết giữa cán bộ, chiến sĩ Việt Nam với quân dân Lào trong những năm kháng chiến;
- Những ấn tượng sâu sắc về thành tựu của quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam trong thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.v.v..

6. Những biểu hiện sinh động của mối quan hệ đoàn kết, gắn bó thủy chung, son sắt của hai dân tộc Việt Nam -Lào dưới sự lãnh đạo của hai Đảng, hai Nhà nước từ khi thiết lập mối quan hệ hợp tác và hữu nghị đến nay.

Mục đích: Làm rõ những thành tựu của mối quan hệ đoàn kết, gắn bó thủy chung, son sắt của hai dân tộc dưới sự lãnh đạo của hai Đảng, hai Nhà nước trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ năm 1977 đến nay, đó là những biểu hiện sinh động của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam.

Yêu cầu: Bài dự thi phải khái quát được những thành tựu:

- Trong giai đoạn 1977 đến nay, mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng với nỗ lực và sự đoàn kết quyết tâm cao, hai nước Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam vẫn đạt được nhiều thành công lớn trên mọi lĩnh vực.

- + Về lĩnh vực hợp tác trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại;
- + Lĩnh vực quốc phòng, an ninh;
- + Quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học-kỹ thuật;
- + Về hợp tác giữa các địa phương và ngoại giao nhân dân.

- Đó thực sự là những biểu hiện sinh động của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt trong thời kì mới dưới sự lãnh đạo của hai Đảng, hai Nhà nước.

7. Những kinh nghiệm quý báu về việc gìn giữ, củng cố, phát huy truyền thống hữu nghị đặc biệt Việt Nam-Lào

Mục đích: Làm rõ những bài học kinh nghiệm chủ yếu về việc gìn giữ, củng cố, phát huy truyền thống hữu nghị đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam.

Yêu cầu: Bài dự thi phải nêu và phân tích được những kinh nghiệm chủ yếu:

Thứ nhất, phải xác định đúng đắn hệ thống quan điểm lí luận về mối quan hệ dân tộc và quốc tế trong thời đại mới giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong quá trình xây dựng, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam.

Thứ hai, phải xác định nội dung, phương thức xây dựng quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam là cụ thể hóa hệ thống quan điểm lí luận của chủ

nghĩa Mác-Lênin về quan hệ quốc gia và quốc tế trong điều kiện cụ thể của hai nước để hướng dẫn hoạt động của Đảng, của hệ thống chính trị và quân, dân hai nước Việt Nam, Lào nhằm đạt tới mục tiêu cách mạng do hai bên xác lập.

Thứ ba, tình cảm cách mạng thủy chung, trong sáng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào là một nhân tố trọng yếu tạo nên độ bền vững và phát triển của mối quan hệ Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam.

Thứ tư, khai thác, phát huy các nhân tố, điều kiện cần thiết để xây dựng, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam.

8. Tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam trong lịch sử của hai dân tộc và trên những chặng đường phát triển mới.

Mục đích: Làm rõ tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam trong lịch sử của hai dân tộc và trên những chặng đường phát triển mới.

Yêu cầu: Bài dự thi phải chuyển tải được các nội dung:

- Mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng mỗi nước; là quy luật tồn tại và phát triển của cả hai nước ở hiện tại và tương lai.

- Gìn giữ và phát huy mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam chính là gìn giữ thành quả cách mạng mà biết bao thế hệ quân dân hai nước đã hy sinh vì nền độc lập, tự do của hai nước; gìn giữ truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nhân dân hai nước được lưu truyền qua nhiều thế hệ; gìn giữ công cuộc xây dựng đất nước và cuộc sống ấm no mà nhân dân hai nước đang thụ hưởng.

- Gìn giữ, phát huy mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam là mong muốn và nguyện vọng chính đáng của nhân dân hai nước vì sự phát triển bền vững; là góp phần làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động hòng xuyên tạc, chia rẽ mối quan hệ tốt đẹp giữa hai nước, hai dân tộc.

- Đối với thế hệ trẻ, những chủ nhân tương lai của hai nước, gìn giữ và phát huy mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam là một nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng, nó gắn liền và quyết định tới mọi thành công của mỗi người trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước của thế hệ trẻ.

9. Những cảm nhận về nền văn hóa, về đất nước và con người Lào.

Mục đích: Nêu lên những cảm nhận của mình đối với nền văn hóa, về đất nước và con người Lào.

Yêu cầu:

- Về nền văn hóa:

+ Lào có nền văn hóa được hình thành từ lâu đời, không ngừng bồi tụ, phát triển theo thời gian; rất phong phú và đa dạng.

+ Văn hóa Lào nằm trong cơ tầng văn hóa Đông Nam Á nên mang những đặc trưng chung của văn hóa Đông Nam Á

+ Tuy có những nét chung của văn hóa Đông Nam Á nhưng văn hóa Lào có rất nhiều nét riêng biệt, đó là bản sắc văn hóa của dân tộc Lào.

* Về văn hóa vật chất của người Lào.

* Về văn hóa tinh thần của người Lào.

- Về đất nước:

+ Đất nước Lào có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng đối với Đông Dương và Đông Nam Á.

+ Lào là một đất nước thanh bình, thiên nhiên hùng vĩ, giàu tài nguyên.

+ Đất nước Lào có truyền thống lịch sử lâu đời, truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm anh dũng kiên cường.

- Về con người:

+ Nhân dân Lào cần cù, chăm chỉ và ham học hỏi.

+ Có tinh thần vươn lên khắc phục khó khăn trong lao động sản xuất cũng như chống giặc ngoại xâm.

+ Có tinh thần cố kết dân tộc cao và tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng, đặc biệt với nhân dân Việt Nam.

10. Cần làm gì để gìn giữ, phát huy tình cảm hữu nghị đặc biệt Việt Nam-Lào.

Mục đích: Nêu những nội dung cần phải làm để gìn giữ, phát huy tình cảm hữu nghị đặc biệt Việt Nam-Lào.

Yêu cầu: Bài dự thi phải nêu được những nội dung sau:

Để gìn giữ, phát huy tình cảm hữu nghị đặc biệt Việt Nam-Lào chúng ta cần phát suy sức mạnh tổng thể của cả hệ thống chính trị và nhân dân hai nước trên cơ sở phát huy những kinh nghiệm được đúc kết trong lịch sử và tăng cường đẩy mạnh hợp tác trên mọi lĩnh vực.

+ *Hợp tác trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại.* Đây là lĩnh vực hợp tác đặc biệt quan trọng trong mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam. Do vậy, hai bên phải thường xuyên có các cuộc tiếp xúc, trao đổi đoàn cấp cao và các cấp, thông báo cho nhau tình hình phát triển của mỗi nước và cùng nhau trao đổi, hợp tác giải quyết những vấn đề liên quan đến mối quan hệ đặc biệt cũng như những vấn đề quốc tế và khu vực hai nước quan tâm, từ đó nâng tầm mối quan hệ Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam cho phù hợp với tình hình mới.

+ Phải tăng cường hợp tác quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Trước sự biến đổi mạnh mẽ của tình hình thế giới và khu vực, đặc biệt là trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch và phản động, việc tăng cường hợp tác quốc phòng, an ninh trong tình hình cách mạng mới là việc làm tiên quyết để gìn giữ và phát huy tình cảm hữu nghị và tình đoàn kết chiến đấu đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam đã được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử.

+ Phải đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học-kỹ thuật. Đây là vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển cách mạng hai nước và mối quan hệ Việt Nam-Lào ở cả hiện tại và tương lai. Trên tinh thần đó, Chính phủ hai nước Việt Nam và Lào cần đẩy mạnh hợp tác, thông qua các Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học-kỹ thuật hàng năm và từng giai đoạn, tạo điều kiện hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển. Khi kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện sẽ tác động tương hỗ cho các mối quan hệ hợp tác khác giữa hai nước.

Với những thành tựu đã đạt được, quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học-kỹ thuật giữa hai nước đang trở thành yếu tố quyết định trong việc củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam, tạo tiền đề cho việc tăng cường và mở rộng hợp tác toàn diện Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam lên tầm cao mới.

+ Phải thắt chặt hơn nữa hợp tác giữa các địa phương và nhân dân hai nước. Quan hệ giữa các địa phương và nhân dân hai nước không chỉ diễn ra ở các tỉnh có chung đường biên giới mà cần được đẩy mạnh thông qua sự kết nghĩa giữa các tỉnh. Đặc biệt, thông qua Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam và qua các Chi hội Hữu nghị ở các tỉnh, quan hệ giữa nhân dân hai nước phải được tiến hành thường xuyên với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Đi cùng với đó, phải tích cực truyền truyền, giáo dục để nhân dân hai nước hiểu rõ về lịch sử mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam, trước mắt là tuyên truyền, cổ vũ nhân dân hai nước tích cực tham gia cuộc thi tìm hiểu Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam do Bộ Chính trị của hai Đảng đã thống nhất phát động.

11. Tại sao các thế lực thù địch xuyên tạc gây chia rẽ quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào Việt Nam

Mục đích: Làm rõ âm mưu của các thế lực thù địch trong chiến lược chống chủ nghĩa xã hội, xuyên tạc sự thật về chủ nghĩa xã hội, âm mưu lái cách mạng Việt Nam và Lào từ bỏ con đường đi theo chủ nghĩa xã hội; chia rẽ đoàn kết của hai dân tộc vì những mưu đồ đen tối gây bất lợi cho cách mạng của mỗi nước.

Yêu cầu: Bài dự thi phải truyền tải được các nội dung:

- Âm mưu thù địch thâm độc của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam được là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng mỗi nước; là quy luật tồn tại và phát triển của cả hai nước ở hiện tại và tương lai.

- Những biện pháp nhận diện, đấu tranh chống lại âm mưu "Diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch; ngăn chặn biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên và dân chúng mỗi nước.

- Giữ gìn, phát huy mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam; khắc phục kịp thời những yếu kém, bất cập hiện nay vừa là mong muốn và nguyện vọng chính đáng của nhân dân hai nước vì sự phát triển bền vững; vừa là góp phần làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động hòng xuyên tạc, chia rẽ mối quan hệ tốt đẹp giữa hai nước, hai dân tộc.

12. Tại sao hai dân tộc Việt Nam-Lào phải yêu thương gắn bó chặt chẽ với nhau.

Mục đích: Nêu được lý do tạo sao hai dân tộc Việt Nam-Lào phải yêu thương gắn bó chặt chẽ với nhau.

Yêu cầu: Sờ dĩ hai dân tộc Việt Nam-Lào phải yêu thương gắn bó chặt chẽ với nhau:

+ Vì quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam trải qua nhiều thử thách khắc nghiệt, đầy hy sinh, gian khổ vì độc lập, tự do, hạnh phúc của hai dân tộc và nhân dân hai nước, đã trở thành *quy luật sống còn và sức mạnh kỳ diệu* đưa tới nhiều thắng lợi vĩ đại của Việt Nam và Lào trong đấu tranh giải phóng dân tộc, trong xây dựng và bảo vệ đất nước, cùng phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đối với nhân dân hai nước Việt Nam, Lào, quan hệ đặc biệt được coi là *lẽ sống, là tình nghĩa ruột thịt thân thiết*, trước sau như một, dù gian nan nguy hiểm đến chừng nào cũng không thể chia tách được.

+ Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, sự nghiệp đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế mà nhân dân hai nước đang tiến hành đã tạo ra những xung lực mới, đồng thời đặt ra những yêu cầu khách quan về gia tăng mối quan hệ đặc biệt giữa Việt Nam-Lào; Lào-Việt Nam với những phương thức mới và những nội dung mới, do đó hai dân tộc cần phải đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển, cùng đạt được những mục đích đề ra của cách mạng hai nước.

+ Trước sự diễn biến phức tạp của tình hình *thế giới và khu vực*, các thế lực thù địch và phản động đang tìm mọi cách *xuyên tạc, chia rẽ* mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam. Do vậy, *hơn lúc nào hết*, hai dân tộc phải yêu

thương, gắn bó chặt chẽ với nhau, cùng nhau đoàn kết làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng và công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân hai nước.

+ Trong bối cảnh đoàn kết hợp tác rộng mở trên thế giới hiện nay, xuất hiện nhiều hình thức liên kết hợp tác song phương và đa phương với nhiều mục đích khác nhau, do vậy hai dân tộc Việt Nam-Lào, Lào-Việt Nam cần gắn bó chặt chẽ bên nhau, cùng nhau xây đắp mối quan hệ đặc biệt trở thành một mẫu mực về tình đoàn kết quốc tế trong lịch sử thế giới đương đại, đồng thời cũng vì sự phát triển bền vững của mỗi nước./.